TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM - ST
Ngày: 14/02/2023
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Văn.

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 25A C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Tr - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc Q - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng A khu vực Hà Nam Ninh (Theo Giấy ủy quyền số 257/GUQ-NHPT-PC ngày 03/3/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng A).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vũ Quang Ng - Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng A khu vực Hà Nam Ninh (Theo Giấy ủy quyền số 91/GUQ-NHPT.HNN ngày 14/3/2022) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH G.

Địa chỉ: Trong khuôn viên Nhà máy T - Công ty cổ phần gạch ngói C - xã Gia T, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Hồng V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tiến D - Chức vụ: Cán bộ Công ty TNHH G (theo Giấy ủy quyền ngày 24/8/2022) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng phát triển Việt Nam trình bày:

Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G) đã ký 02 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A (nay là Chi nhánh Ngân hàng A) (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay vốn tín dụng đầu tư thực hiện dự án "Đóng mới tàu biển 5.674 tấn" cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước số 11/2008/HĐTD ngày 18/02/2008 kèm theo 05 Hợp đồng sửa đổi bổ sung gồm:

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước số 01-11/2008/HĐTD ngày 10/06/2009 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (điều chỉnh lãi suất đối với các khoản giải ngân bằng VNĐ từ ngày 12/02/2009 là 6,9%/năm);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 02-11/2012/HĐSĐBS-NHPT ngày 20/03/2012 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (sửa đổi khoản 8, điều 10 về nghĩa vụ cung cấp báo cáo tài chính, tình hình hoạt động hàng quý, hàng năm, kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2011);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 03-11/2012/HĐSĐBS-NHPT ngày 29/06/2012 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (cơ cấu nợ lần 1, kéo dài thời gian vay vốn từ 114 tháng lên 144 tháng, điều chỉnh giảm số tiền trả nợ gốc hàng tháng, phân bổ kỳ hạn trả nợ lãi treo);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 04-11/2014/HĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2014 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (cơ cấu nợ lần 2, kéo dài thời gian vay vốn từ 144 tháng lên 177 tháng, điều chỉnh số tiền trả nợ gốc hàng tháng, phân bổ kỳ hạn trả nợ lãi treo, bên cho vay được chủ động quyết định phương án xử lý nếu bên vay không trả được nợ);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 05-11/2015/HĐTD ngày 23/10/2015 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (bổ sung điều kiện và nghĩa vụ trả phí trả nợ trước hạn nếu khách hàng có nhu cầu trả nợ trước hạn).

Tính đến ngày 31/05/2022, Công ty TNHH G còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước số 11/2008/HĐTD ký ngày 18/02/2008 số tiền gốc, lãi là: nợ gốc 23.385.000.000 đồng, nợ lãi 45.647.714.563 đồng.

2. Hợp đồng vay vốn tín dụng thí điểm số 11/2008/HĐTD-VTĐ ngày 18/02/2008 kèm theo 11 Hợp đồng sửa đổi bổ sung gồm:

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung vay vốn tín dụng thí điểm số 04/2008/HĐTD-SĐBS-VTĐ ngày 04/09/2008 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (sửa đổi về lãi suất cho vay).

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung vay vốn tín dụng thí điểm số 02-11/2008/HĐTD-VTĐ ngày 21/12/2008 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (sửa đổi về lãi suất cho vay).

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung vay vốn tín dụng thí điểm số 03-11/2008/HĐTD-VTĐ ngày 12/01/2009 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (sửa đổi về lãi suất cho vay).

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung vay vốn tín dụng thí điểm số 05/2009/HĐTD-SĐBS-NHPT ngày 10/09/2009 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (sửa đổi bổ sung: thời hạn rút vốn)

- Hợp đồng tín dụng đầu tư bổ sung số 01-11/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 09/09/2011 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (chuyển đổi vốn thí điểm thành vốn tín dụng đầu tư theo lãi suất thỏa thuận);

- Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 02-11/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 25/11/2011 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (bỏ cụm từ "ngày làm việc kế tiếp" khi tính lãi suất nợ quá hạn);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 03-11/2012/HĐSĐBS-NHPT ngày 20/03/2012 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (sửa đổi về nghĩa vụ cung cấp báo cáo tài chính, tình hình hoạt động hàng quý, hàng năm, kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2011);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 04-11/2012/HĐSĐBS-NHPT ngày 29/06/2012 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (cơ cấu nợ lần 1, kéo dài thời gian vay vốn từ 60 tháng lên 144 tháng, điều chỉnh giảm số tiền trả nợ gốc hàng tháng, phân bổ kỳ hạn trả nợ lãi treo);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 05-11/2014/HĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2014 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (cơ cấu nợ lần 2, kéo dài thời gian vay vốn từ 144 tháng lên 169 tháng, điều chỉnh số tiền trả nợ gốc hàng tháng, phân bổ kỳ hạn trả nợ lãi treo, bên cho vay được chủ động quyết định phương án xử lý nếu bên vay không trả được nợ);

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 06-11/2015/HĐSĐBS-NHPT ngày 12/03/2015 đã ký giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH G (điều chỉnh lãi suất từ 11,4%/năm thành 11%/năm kể từ ngày 01/01/2015);

Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 07-11/2015/HĐTD-SĐBS ngày 23/10/2015 (bổ sung điều kiện và nghĩa vụ trả phí trả nợ trước hạn nếu khách hàng có nhu cầu trả nợ trước hạn).

Tính đến hết ngày 31/05/2022, Công ty TNHH G còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng vay vốn tín dụng thí điểm số 11/2008/HĐTD-VTĐ ngày 18/02/2008 số tiền lãi 7.475.923.893 đồng

Do dự án đi vào hoạt động không hiệu quả, có nợ quá hạn kéo dài nên Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục xử lý tài sản bảo đảm là tàu Tràng An 02 trọng tải 5.674 tấn của Công ty G. Ngày 22/02/2019, bên mua đã hoàn thành

thanh toán đầy đủ tiền trúng đấu giá mua tàu và đã được các bên bàn giao tàu theo quy định.

Sau khi đã xử lý xong tài sản bảo đảm, Công ty G vẫn còn nợ Ngân hàng. Ngày 22/02/2019, Công ty G và Ngân hàng đã cùng nhau ký Biên bản xác nhận dư nợ vay sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm và tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng.

Do Công ty G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, vi phạm thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty G phải trả Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi còn phải thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2023 cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 11/2008/HĐTD ngày 18/02/2008 gồm:

Số nợ gốc: 23.385.000.000 đồng, số nợ lãi: 50.716.340.371 đồng.

- Đối với Hợp đồng vay vốn tín dụng thí điểm số 11/2008/HĐTD –VTĐ ngày 18/02/2008 gồm:

Số nợ lãi: 8.033.038.510 đồng.

- Tổng dư nợ của Công ty TNHH G phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 14/02/2023 là: 82.134.378.881 đồng (trong đó nợ gốc 23.385.000.000 đồng, nợ lãi: 58.749.378.881 đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2023, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín dụng sửa đổi được ký kết giữa hai bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH G trình bày:

Để thực hiện dự án đầu tư Đóng mới tàu biển 5.674 tấn để phục vụ mục đích kinh doanh dịch vụ vận tải biển của Công ty G, Công ty đã ký 02 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng phát A (nay là Chi nhánh Ngân hàng A) để vay vốn tín dụng đầu tư thực hiện dự án "Đóng mới tàu biển 5.674 tấn" cụ thể:

Hợp đồng tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước số 11/2008/HĐTD ngày 18/02/2008 kèm theo 05 Hợp đồng sửa đổi bổ sung; Hợp đồng vay vốn tín dụng thí điểm số 11/2008/HĐTD-VTĐ ngày 18/02/2008 kèm theo 11 Hợp đồng sửa đổi bổ sung như nguyên đơn trình bày.

Sau khi được vay vốn, Công ty đã sử dụng toàn bộ vốn vay và cộng thêm vốn tự có của Công ty để thực hiện thi công dự án. Tới cuối năm 2014 dự án đã hoàn thành quá trình thi công, phương tiện được Cục đăng kiểm Việt Nam kiểm định, cấp các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, giấy chứng nhận đăng ký tàu Tràng An 02 cùng tất cả các giấy chứng nhận khác theo tiêu chuẩn quốc gia. Ngay sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký đăng kiểm, Công ty đã đưa phương

tiện vào khai thác với mong muốn dự án sớm phát huy hiệu quả đầu tư để tạo nguồn trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong bối cảnh ngành tàu biển đi xuống, giá cước vận tải thấp, tàu hoạt động không bù đắp được chi phí dẫn đến thua lỗ, phải dừng đỗ lại không tiếp tục hoạt động được. Do dự án đi vào hoạt động không hiệu quả, có nợ quá hạn kéo dài nên Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục xử lý tài sản bảo đảm là tàu Tràng An 02 trọng tải 5.674 tấn của Công ty Dương Giang. Ngày 22/02/2019, bên mua đã hoàn thành thanh toán đầy đủ tiền trúng đấu giá mua tàu và đã được các bên bàn giao tàu theo quy định. Số nợ còn lại, Công ty tiếp tục nhận nợ vay theo quy định của hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung đã ký.

Tổng số tiền Công ty G còn đang nợ Ngân hàng tính đến ngày 31/5/2022 là 76.508.638.456 đồng, trong đó nợ gốc 23.385.000.000đồng, nợ lãi 53.123.638.456 đồng. Trong đó:

Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 11/2008/HĐTD ký ngày 18/02/2008, số dư nợ gốc là 23.385.000.000 đồng, số dư nợ lãi là 45.647.714.563 đồng.

Dư nợ theo Hợp đồng vay vốn tín dụng thí điểm số 11/2008/HĐTD -VTĐ ký ngày 18/02/2008, số dư nợ lãi là 7.475.923.893 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2023, Công ty G còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi đúng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Công ty G đồng ý trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, do Công ty đang làm ăn khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ đúng hạn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng đầy đủ các bước tố tụng và hành vi tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 1, 49, 50, 51, 52, 54 Luật tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 151/NĐCP ngày 20/12/2006 của Chính phủ; các Điều 6, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc Công ty TNHH G phải trả cho Ngân hàng A số nợ là: 82.134.378.881đồng (Tám mươi hai tỷ, một trăm ba mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm tám mốt đồng). Trong đó: nợ gốc 23.385.000.000đồng; nợ lãi là 58.749.378.881đồng..

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2023, cho đến khi thi hành án xong, Công ty G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín dụng sửa đổi được ký kết giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty G trả nợ tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Bị đơn có trụ sở chính tại T, huyện Q, tỉnh Ninh Bình, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngân hàng A và Công ty G thừa nhận:

Giữa Ngân hàng A và Công ty G đã xác lập, ký kết hai Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi kèm theo cụ thể:

Hợp đồng tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước số 11/2008/HĐTD ngày 18/02/2008 kèm theo 05 Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng.

Hợp đồng vay vốn tín dụng thí điểm số: 11/2008/HĐTD-VTĐ ngày 18/02/2008 kèm theo 11 Hợ đồng sửa đổi bổ sung.

Tính đến ngày 14/02/2023, Công ty TNHH G còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 23.385.000.000đồng và 58.749.378.881đồng tiền lãi.

Các đương sự, không có tranh chấp, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng được ký kết tự nguyện, đúng thẩm quyền, dựa trên quy định có hiệu lực của pháp luật tại thời điểm giao kết gồm các Điều 1, 49, 50, 51, 52, 54 Luật tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị

định số 151/NĐCP ngày 20/12/2006 của Chính phủ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Dương Giang đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận vì vậy Ngân hàng khởi kiện buộc Công ty G phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại. Nguyên đơn Ngân hàng A được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 1, 49, 50, 51, 52, 54 Luật tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 151/NĐCP ngày 20/12/2006 của Chính phủ; các Điều 6, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ngân hàng A.

2. Buộc Công ty TNHH G phải thực hiện nghĩa vụ:

2.1. Trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ: 82.134.378.881đồng (Tám mươi hai tỷ, một trăm ba mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm tám mốt đồng). Trong đó: nợ gốc 23.385.000.000đồng; nợ lãi là 58.749.378.881đồng.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2023, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín dụng sửa đổi được ký kết giữa hai bên.

3. Về án phí: Công ty TNHH G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 190.134.379đồng. Trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 46.127.159đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003661 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Nho Quan;*
- *Chi cục THADS huyện Nho Quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN